NT 75/2 TACT² ME

Hệ thống Kärcher Tact² đã từng được ưa chuộng như các hệ thống chuyên dụng và toàn diện nhờ mức độ cơ động cao và hiệu suất tuyệt vời, kết cấu vững chắc và nhiều tính năng thiết kế thực tế của chúng. Máy hút bụi khô ướt NT 75/2 Tact² Me được cung cấp toàn bộ gói chống tĩnh điện theo tiêu chuẩn. Hệ thống xử lý ngay cả lượng lớn bụi mịn.



Made in Europe

Mã đặt hàng	**1.667-288.0**

Thông số kỹ thuật

		4039784727267
Số pha	**Ph**	1
Điện áp	**V**	220 – 240
Tần số	**Hz**	50 – 60
Lưu lượng khí	**l/s**	2 × 74
Lực hút	**mbar / kPa**	254 / 25,4
Dung tích thùng chứa	**l**	75
Vật liệu thùng chứa		Thép không gỉ
Công suất	**W**	Tối đa 2760
Bề rộng quy định theo tiêu chuẩn		ID 40
Chiều dài dây điện	**m**	10
Độ ồn	**dB(A)**	73
Màu sắc		Bạc
Trọng lượng chưa gắn phụ kiện	**Kg**	27,8
Trọng lượng bao gồm bao bì	**Kg**	35
Kích thước (D × R × C)	**mm**	630 × 545 × 920

Phạm vi cung cấp

- **Chiều dài ống hút bụi**: 4 m
- **Số lượng thanh hút nối dài**: 2 Unit
- **Chiều dài thanh hút**: 550 mm
- **Chất liệu thanh hút**: Thép không gỉ
- **Số lượng túi lọc bụi**: 1 Unit
- **Chất liệu túi lọc bụi**: Giấy
- **Chiều rộng bàn hút sàn ướt/khô**: 360 mm
- **Đầu hút khe**
- **Ống xả (chịu dầu)**
- **Tay đẩy**

Thiết bị

- **Tự động ngắt khi đạt ngưỡng tối đa**
- **Hệ thống chống tĩnh điện**
- **Vệ sinh bộ lọc**: Hệ thống lưới lọc làm sạch tự động
- **Cản trước chắc chắn**
- **Dạng bảo vệ**: I
- **Bánh xe nhỏ có phanh**





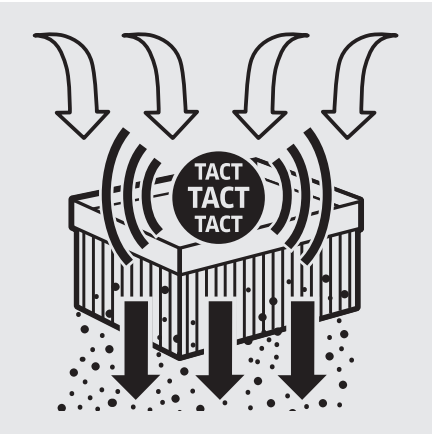
Dễ dàng vận chuyển

- Bánh xe lớn và tay cầm có thể thay đổi được khiến di chuyển dễ dàng hơn thận chí là trên các bề mặt gồ ghề



Khoang lưu trữ thiết bị thông minh

- Ví dụ, vòi phun sàn được sửa chữa nhanh chóng



Hệ thống lưới lọc làm sạch tự động

- Bộ lọc phẳng mới này được làm sạch bằng các luồng khí và có thể loại bỏ chất cặn và bụi bẩn ra ngoài
- Bụi mịn không thể làm tắc được bộ lọc. Một luồng khí cao không đổi được duy trì

NT 75/2 Tact² Me, 1.667-288.0, 2026-10-30

PHỤ KIỆN CHO NT 75/2 TACT² ME
1.667-288.0


1


2


3


4


5–7


8


9–11


12


13


14

		Mã đặt hàng		
BỘ LỌC NẾP GẤP PHẲNG, TIÊU CHUẨN, BIA C HOẶC LÊN TỚI LOẠI BỤI M				
Bộ lọc nếp gấp phẳng, giấy				
Bộ lọc xếp nếp phẳng, giấy	1	6.907-276.0	Bộ lọc bụi có nếp gấp phẳng lớp M, giấy phủ nano. Thích hợp để nhặt bụi mịn và bụi bẩn khô.	■
Bộ lọc nếp gấp phẳng, PTFE				
Bộ lọc xếp nếp phẳng, PTFE	2	6.907-449.0	Bộ lọc lông cừu polyester với lớp phủ PTFE, lớp bụi M, dành cho máy hút bụi khô ướt Tact². Đặc biệt thích hợp cho các vật liệu rất dính.	□
Bộ lọc xếp nếp phẳng PES	3	6.907-277.0	Bộ lọc bụi xếp nếp phẳng dành cho bụi mức M, lông cừu PES chống mùi hôi. Thích hợp cho việc hút bụi ẩm thường xuyên.	□
KHỚP UỐN				
Khớp uốn nhựa				
Ống hút khuỷu dẫn điện, DN 40	4	2.889-172.0	Ống hút cong cho một hệ thống kẹp mới có kích thước DN 40. Thiết kế dẫn điện. Đặc biệt thích hợp với nồng độ bụi mịn cao	■
Ống hút nhựa cong	5	5.031-718.0	Ống hút nhựa cong (DN 35) với hệ thống kẹp C-35. Dùng cho tất cả các kiểu máy hút bụi khô ướt NT 361 đến NT 611 Eco một động cơ công nghiệp (ngoại trừ NT Eco M và NT Eco H).	□
Ống hút nhựa cong, dẫn điện	6	5.031-939.0	Ống hút nhựa cong dẫn điện (DN 35) với hệ thống kẹp C-35. Dùng cho tất cả các dòng máy hút bụi khô ướt NT 361 đến NT 611 Eco một động cơ công nghiệp.	□
	7	5.032-427.0	Ống hút nhựa dẫn điện (DN 40) với hệ thống kẹp C-40, thích hợp cho tất cả các máy hút bụi khô ướt NT.	□
Khớp uốn, kim loại				
Ống hút cong kim loại	8	6.900-519.0	Ống hút cong bằng kim loại mạ crom, chắc chắn (DN 35), có thể được sử dụng thay cho ống hút nhựa cong (với bộ chuyển đổi hệ thống clip 5.407-112.0; C 35-DN 35, nhựa, el.).	□
Ống hút cong, thép không gỉ, ID 35	9	6.903-141.0	Thép không gỉ và uốn cong, ID 35	□
Ống hút cong kim loại	10	6.900-276.0	Ống hút cong bằng kim loại mạ crom, chắc chắn (DN 40), có thể được sử dụng thay cho ống hút nhựa cong (với bộ chuyển đổi hệ thống clip 5.407-111.0; C 40-DN 40, nhựa, el.).	□
Ống hút cong, thép không gỉ, ID 40	11	6.902-079.0	Thép không gỉ và uốn cong, ID 40	□
ĐẦU HÚT				
Bàn hút sàn				
Đầu hút sàn khô và ướt Adv	12	2.889-153.0	Đầu hút sàn khô và ướt rộng 360 mm với các miếng chèn, lưỡi hút dễ thay đổi.	■
Đầu hút sàn khô và ướt tiêu chuẩn	13	2.889-173.0	Chiều rộng 300 mm, đầu hút sàn ướt/khô màu anthracite, NW 35. Với các miếng chèn dễ thay đổi. Bao gồm lưỡi bàn chải và chổi cao su.	□
Đầu hút sàn, màu anthracite DN40	14	2.889-174.0	Vòi hút sàn tiêu chuẩn, màu anthracite, đường kính 40, có chổi quét và chổi cao su. Thích hợp cho tất cả các ứng dụng ướt và khô.	□

■ Có bao gồm khi giao hàng □ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 75/2 TACT² ME
1.667-288.0


15–17


18


19


20


21


22


23


24


25


26


27

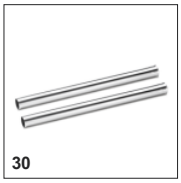

28–29

		Mã đặt hàng		
ĐẦU HÚT				
Bàn hút sàn				
Đầu hút đa năng khô và ướt	15	6.903-018.0	Đầu hút nhôm đa năng với chiều rộng làm việc 370 mm. Với con lăn bên có thể điều chỉnh độ cao, dải chổi quét (6.903-064.0) và lưỡi cao su chịu dầu (6.903-081.0). Chỉ dành cho máy hút bụi khô và ướt NT.	☐
	16	6.906-383.0	Đầu hút nhôm đa năng với chiều rộng làm việc 450 mm. Với con lăn bên có thể điều chỉnh độ cao, dải chổi quét (6.903-065.0) và lưỡi cao su chịu dầu (6.906-146.0). Chỉ dành cho máy hút bụi khô và ướt NT.	☐
	17	6.906-384.0	Đầu hút nhôm đa năng với chiều rộng làm việc 370 mm. Với con lăn bên có thể điều chỉnh độ cao, dải chổi quét (6.903-064.0) và lưỡi cao su chịu dầu (6.903-081.0). Chỉ dành cho máy hút bụi khô và ướt NT.	☐
Đầu hút sàn khô và ướt	18	2.889-117.0	Đầu hút sàn khô và ướt (DN 40) cho phép thay lưỡi cao su / chổi quét một cách nhanh chóng và lý tưởng cho việc hút bụi ướt các khu vực rộng lớn.	☐
Đầu hút khe				
Đầu hút khe DN 40 300mm 1:50	19	5.130-655.0	Đầu phun có kẽ hở bằng nhựa có chiều rộng danh nghĩa DN 40 dùng cho máy hút bụi khô và ướt Kärcher. Đặc biệt thích hợp để hút bụi những khu vực khó tiếp cận như các khớp nối, kẽ hở và ngóc ngách.	■
Đầu hút khe	20	2.889-130.0	Đầu hút khe bằng nhựa	☐
	21	6.900-922.0	Dụng cụ hút khe bằng nhựa (DN 35) để hút bụi trong các kẽ hở và ngóc ngách. Chiều dài: 370 mm.	☐
	22	6.905-817.0	Dụng cụ hút khe bằng kim loại (DN 40) để hút bụi trong các kẽ hở và ngóc ngách. Chiều dài: 400 mm.	☐
Chổi đa năng				
Bàn chải đa nhiệm	23	6.903-863.0	Lông cứng tự nhiên (lông bò), 120 × 45 mm.	☐
Đầu hút vệ sinh xe hơi				
Đầu hút oto, ID 40, 90 mm	24	6.900-952.0	Dụng cụ hút bụi ô tô dạng góc, phẳng, bằng nhựa với chiều rộng làm việc khoảng 90 mm. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	25	2.840-095.0		☐
Dụng cụ hút cao su, mũi 45 °				
Đầu hút cao su, mũi 45°	26	6.902-104.0	Đầu hút cao su 45 ° (DN 35), chịu dầu và thích hợp cho máy hút bụi. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	27	6.902-105.0	Đầu hút cao su 45 ° (DN 40), chịu dầu và thích hợp cho máy hút bụi. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Đầu hút bụi ống				
Bàn chải ống 35/100	28	6.903-035.0	Nhựa, đường kính ống 100 mm	☐

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 75/2 TACT² ME
1.667-288.0


28–29


30


31–33


34

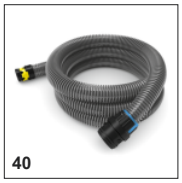

35


36


37


38


39


40


41


42

		Mã đặt hàng		
ĐẦU HÚT				
Đầu hút bụi ống				
Bàn chải ống 35/200	29	6.903-036.0	Nhựa, đường kính ống 200 mm	☐
ỐNG HÚT				
Ống hút, thép không gỉ				
Bộ ống hút bằng thép không gỉ NW40 55	30	2.889-194.0	Bộ ống hút bằng thép không gỉ (2 × 0,55 m)	■
Ống hút	31	6.902-154.0	Ống hút bằng thép không gỉ dài 0,5 m (ID 35) dùng cho máy hút bụi khô ướt. Lý tưởng cho các ứng dụng hút bụi ướt thường xuyên và hút bụi các thành phần ăn mòn.	☐
	32	6.902-081.0	Ống hút bằng thép không gỉ (DN 40, 0,5 m) chỉ thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	33	6.906-531.0	Ống hút bằng thép không gỉ (DN 40, 1 m) chỉ thích hợp cho máy hút bụi NT.	☐
Ống hút, kim loại				
Bộ ống hút, mạ crom, NW35 550 mm	34	2.889-191.0	Bộ ống hút, mạ crom kim loại, NW 35, 2 phần, mỗi phần 0,55 mm.	☐
Ống hút	35	6.900-514.0	Ống hút kim loại mạ crom (DN 35, 1x0,5 m), tiêu chuẩn cho hầu như tất cả các máy hút bụi khô ướt công nghiệp NT một động cơ.	☐
Suction hoses with clip system 2.0 (compatible with vacuum cleaners from model year 2017 on)				
Ống hút dẫn điện	36	2.889-141.0	Ống hút dẫn điện với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 4 m.	■
Bộ ống dẫn điện NW	37	2.889-137.0	Ống hút 4 m với chốt cài mới và nẹp chặt. Dẫn điện.	☐
Bộ ống hút NW40 4m	38	2.889-138.0	Ống hút 4 m với chốt cài mới và nẹp chặt.	☐
Ống hút	39	2.889-139.0	Ống hút với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 2,5 m.	☐
Ống hút, chống dầu	40	2.889-140.0	Ống hút chịu dầu với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 4 m.	☐
Ống hút dẫn điện	41	2.889-142.0	Ống hút dẫn điện với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 2.5 m.	☐
Ống hút nối dài	42	2.889-146.0	Ống nối dài cho hệ thống kẹp mới ID 40. Chiều dài: 2,5 m.	☐

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 75/2 TACT² ME
1.667-288.0


43


44


45


46


47


48


49


50


51


52


53–54


55, 57–58


56

		Mã đặt hàng		
ỐNG HÚT				
Suction hoses with clip system 2.0 (compatible with vacuum cleaners from model year 2017 on)				
Bộ sửa chữa ID 40	43	2.889-150.0	Bộ sửa chữa ID 40 cho hệ thống kẹp mới.	☐
Kết nối ống				
Bộ chuyển đổi, ID 32/35, với ren trong	44	6.902-077.0	Bộ chuyển đổi không dẫn điện có ren trong. Để kết nối hai ống hút không có đầu nối. Thích hợp cho DN 32 hoặc DN 35.	☐
Bộ chuyển đổi, ID 40, với ren trong	45	6.900-286.0	Bộ chuyển đổi không dẫn điện có ren vít ở hai đầu. Dùng để nối 2 ống hút DN 40 không có đầu nối.	☐
Suction hoses with clip system 1.0 (compatible with vacuum cleaners up to model year 2016)				
Bộ sửa chữa, C 40	46	2.639-873.0	Bộ sửa chữa (C40) bao gồm các bộ điều hợp ống ren (không có bộ chuyển đổi chốt cài) cho máy hút bụi khô ướt NT công nghiệp với hệ thống kẹp.	☐
Ống hút nối dài	47	6.906-344.0	Ống nối dài tiêu chuẩn không dẫn điện 2,5 m cho tất cả các ống C-40 có hệ thống kẹp.	☐
Ống hút	48	4.440-678.0	Ống hút không dẫn điện cách điện 4m có uốn cong, chốt cài ở đầu chân không và đầu nối kẹp C 40 ở đầu phụ kiện. Không có mô-đun	☐
	49	6.906-279.0	Ống hút tiêu chuẩn 10 m không uốn cong và bộ chuyển đổi có chốt cài ở đầu hút chân không và kết nối kẹp C 40 ở đầu phụ kiện.	☐
	50	6.906-321.0	Ống hút 4 m không uốn cong và bộ chuyển đổi có gắn chốt cài và kết nối kẹp C 40	☐
	51	6.906-714.0	Với chốt cài và kết nối kẹp.	☐
Ống hút + PFC module, dẫn điện	52	4.440-728.0	Với uốn cong và mô-đun (4.060-533.0), dẫn điện.	☐
Ống hút	53	6.906-635.0	Với chốt cài và kết nối kẹp.	☐
	54	6.906-877.0	Ống hút có khớp nối dạng chốt cài, dẫn điện.	☐
Suction hoses with cone connection				
Ống hút, hoàn chỉnh	55	4.440-263.0	Ống hút tiêu chuẩn 4.0m không dẫn điện với chốt cài ở đầu chân không và côn DN 40 ở đầu phụ kiện.	☐
	56	4.440-303.0	Chống dầu	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 75/2 TACT² ME
1.667-288.0


55, 57–58


59


60


61


62


63


64


65


66


67


68


69


70

		Mã đặt hàng		
ỐNG HÚT				
Suction hoses with cone connection				
Ống hút, hoàn chỉnh	57	4.440-463.0	Ống hút tiêu chuẩn 10.0m không dẫn điện với chốt cài ở đầu chân không và côn DN 40 ở đầu phụ kiện.	☐
	58	4.440-466.0	dẫn điện, 10.0m, ID 40	☐
Ống hút, hoàn chỉnh, chống dầu	59	4.440-612.0	Chống dầu	☐
Ống hút hoàn chỉnh	60	4.440-264.0	Ống hút tiêu chuẩn dài 4 m với đầu nối chốt cài DN 61 ở đầu thiết bị và đầu nối hình côn DN 61 ở đầu phụ kiện.	☐
	61	4.440-328.0	Ống công nghiệp, PVC / chất đàn hồi với xoắn thép, bên trong nhẵn	☐
	62	4.440-467.0	Ống hút tiêu chuẩn dài 10 m với đầu nối chốt cài DN 61 ở đầu thiết bị và đầu nối hình côn DN 61 ở đầu phụ kiện.	☐
Ống hút hoàn chỉnh, chống dầu	63	4.440-613.0	Chống dầu.	☐
Ống hút hoàn chỉnh. Dẫn điện	64	4.440-616.0	Dẫn điện	☐
FILTER BAGS				
Túi lọc vải bông				
Túi lọc lông cừu, 5 Unit, NT 65, NT 70, NT 72, NT 75, NT 90	65	2.885-753.0	Túi lọc lông cừu ba lớp lớn, chống rách, dùng cho tất cả các máy hút bụi khô và ướt hai động cơ của Kärcher. Được chứng nhận theo cấp độ bụi M, phù hợp với kích thước thùng chứa từ 65 đến 75 lít.	☐
Túi lọc giấy				
Túi lọc bụi, 5 Unit, NT 48, NT 65, NT 70, NT 72, NT 75, NT 80, WET VAC	66	6.904-285.0	Túi lọc giấy chống rách 3 lớp – BIA- (U, S, G, C) loại M – phù hợp với tất cả các kiểu máy hút bụi khô ướt NT 48/1, NT 65/2 Eco + Me và NT 72/2 Eco Tc. Số lượng: x5	☐
BỘ LỌC T/NT				
Flat pleated filter HEPA, dust class H				
Bộ lọc gấp nếp phẳng HEPA	67	6.904-364.0	Bộ lọc bề mặt HEPA – bụi dòng H (H 14) – với các lớp sợi thủy tinh tăng khả năng lọc khi hút bụi gây ung thư và nguy hiểm cho sức khỏe.	☐
Túi lọc ẩm				
Túi lọc ướt	68	6.904-252.0	Sử dụng cho bụi loại L, làm sạch tổng quát, khô và ướt, chống rách	☐
Bộ lọc vải				
Lọc bụi gỗ dạng nến, NT 65/2, NT 75/2	69	2.414-003.0		☐
Màng lọc, NT 65, NT 70, NT 72, NT 75, NT 551, NT 602, NT 700, NT 702, NT 802, NT 993	70	6.904-282.0	Màng lọc/ vải sợi Polyester lông cừu kim – BIA-C -, có thể giặt đến 40°C, sợi kim loại để nối đất. Thích hợp cho hầu như tất cả các máy hút bụi khô ướt NT hai động cơ công nghiệp.	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 75/2 TACT² ME
1.667-288.0


71


72


73


74–76


77


78


79


80


81, 83

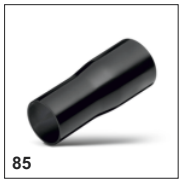

82


84

		Mã đặt hàng		
CONNECTING SLEEVES				
Bộ dụng cụ tiếp hợp chữ Y				
Bộ chuyển đổi chữ Y	71	2.637-217.0	Đầu chuyển đổi nhựa – thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Bộ tiếp hợp kết nối C ID (kẹp trên dầu), dẫn điện				
Kết nói hình nón NW35	72	5.407-005.0	Hệ thống kẹp bộ chuyển đổi DN 35 để kết nối ống hút và đầu phun nhỏ với hình nón DN 35. Hoàn hảo cho việc vệ sinh nội thất xe, ngay cả khi không có kết nối của các đầu phun khác.	☐
Kết nói hình nón NW40	73	5.407-006.0	Để kết nối các đầu phun nhỏ và ống hút với hình nón DN 40: Hệ thống kẹp bộ chuyển đổi DN 40. Lý tưởng cho các công việc làm sạch nội thất xe mà không cần kết nối thêm các đầu phun khác.	☐
Đầu nối C DN 35	74	5.407-112.0	Đầu nối ống C 35 cho phụ kiện DN 35, dẫn điện.	☐
Đầu nối C DN 40	75	5.407-109.0	Bộ chuyển đổi dẫn điện (C 40) với kết nối DN 35 để kết nối các phụ kiện DN 35 với ống hút C 40 hoặc C-DN 40 công nghiệp. Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	76	5.407-111.0	Đầu nối ống C 40 cho phụ kiện DN 40, dẫn điện.	☐
Bộ tiếp hợp kết nối cho dụng cụ điện, kẹp, dẫn điện				
Bộ chuyển đổi kết nối cho dụng cụ điện, C 35, dẫn điện	77	5.453-042.0	Bộ chuyển đổi nhựa 3 đầu. Dành cho DN 26 đến DN 36. Để kết nối dụng cụ điện với ống hút C hoặc C-DN 35 công nghiệp. Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	78	5.453-048.0	Bên trong Ø 25,4 mm, bên ngoài Ø 34,6 mm / 38 mm, dẫn điện. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	79	5.453-050.0	Bên trong Ø 27 mm, bên ngoài Ø 36,5 mm / 38,8 mm, el. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Bộ tiếp hợp cho dụng cụ điện, có thể bắt hoặc tháo vít				
Bộ chuyển đổi cho các dụng cụ điện, có thể vặn ID 35	80	5.453-016.0	Bộ chuyển đổi nhựa 3 chiều có hướng dẫn cách lắp. Dành cho DN 26 đến DN 36. Để kết nối với ống hút DN 35 công nghiệp.	☐
	81	5.453-026.0	Bên trong Ø 28,6 mm, bên ngoài Ø 37,3 mm / 38,8 mm.	☐
	82	6.902-059.0	Bộ chuyển đổi dụng cụ điện dẫn điện, có ren. Đường kính trong: 32 mm. Đường kính ngoài: 39 mm.	☐
	83	6.902-095.0	Bộ chuyển đổi dụng cụ điện 2 chiều, có ren. Để kết nối với ống hút DN 35 công nghiệp. Đường kính trong: 28 mm. Đường kính ngoài: 34 mm và 38,8 mm. Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Ống hơi thu ngắn				
Bộ giảm tốc	84	5.407-108.0	Bộ giảm tốc ren – từ C-40 đến DN 35. Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 75/2 TACT² ME
1.667-288.0


85


86


87


88


89


90


91


92


93


94

		Mã đặt hàng		
CONNECTING SLEEVES				
Ống hơi thu ngắn				
Bộ giảm tốc	85	6.902-017.0	Bộ giảm tốc để mở rộng phụ kiện. Lý tưởng cho các phụ kiện có hình nón kết nối DN 35 kết hợp với các phụ kiện có hình nón kết nối DN 40.	☐
Ống lót giảm	86	5.407-113.0	Bộ giảm tốc (C 40 đến C 35) để kết nối các phụ kiện có đầu nối kẹp C-35 với ống hút có hệ thống kẹp C 40.	☐
Bộ giảm tốc từ ID 35 đến ID 32	87	6.902-072.0	Bộ giảm tốc với hình nón kết nối bên trong DN 32. Lý tưởng cho các phụ kiện từ dòng máy hút bụi công nghiệp kết hợp với máy hút bụi khô ướt công nghiệp NT.	☐
Bộ tiếp hợp thu ngắn/nối dài				
Bộ giảm tốc / ống bọc bộ điều hợp	88	2.860-117.0	DN 40/35, DN 35/32 (ống -> vòi), nhựa.	☐
BỘ PHỤ KIỆN CHUYÊN DỤNG THEO NHÓM MỤC TIÊU CHO MÁY HÚT BỤI				
Bộ phụ kiện hút bụi khô ướt, ID 40 (dẫn điện)	89	2.638-147.0	Bộ dụng cụ hút bụi khô ướt, dẫn điện, DN 40	☐
PHỤ KIỆN KHÁC NT				
CS 40 Me	90	2.863-026.0	Bộ chuẩn bị trước lốc xoáy CS 40 Me hiệu quả cao cho tất cả các máy hút bụi khô ướt của Kärcher là một phụ kiện được thiết kế đặc biệt cho các ứng dụng bụi mịn trên các công trường xây dựng hoặc trong công nghiệp.	☐
Kết nối bộ chuyển đổi, dẫn điện	91	5.031-436.0	Bộ đổi điện đa năng, dẫn điện để kết nối các ống NT cũ có chiều rộng danh nghĩa DN 35, 40, 50 với hệ thống phụ kiện mới dành cho máy hút bụi khô và ướt của Kärcher.	☐
BỘ SỬA ĐỔI, PHƯƠNG TIỆN KHÔNG DẪN ĐIỆN				
Bộ đính kèm, phương tiện không dẫn điện Tact² + Ap	92	2.642-602.0	Để tắt khi hút các chất lỏng không dẫn điện như dầu và mỡ	☐
PHỤ KIỆN KHÁC CHO BR/ BD				
Khác				
Cáp kéo dài	93	6.647-022.0	Cáp kéo dài, 20 m, 3x1,5 mm². Với phích cắm chân tiếp đất chống văng nước, giảm căng thẳng và chống gấp khúc.	☐
EMPTYING SUPPORTS				
Giỏ lọc				
Lọc rây IVC	94	5.731-645.0	Rây lọc bằng nhựa, đục lỗ, có ren trong. Để bảo vệ ống thoát nước khỏi vật liệu hút rất mài mòn như dăm thô.	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng